

Số: 118/2019/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 05 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHOÁ XIV, KỲ HỌP LẦN THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 389/TTr-UBND ngày 22/11 2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1107/BC-KTNS ngày 02/12/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các ban của HĐND, tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 72/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp lần thứ mười một thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận: *man*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; Ủy ban Tài chính
- Ngân sách của Quốc hội; Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính; Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (450b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng
Nguyễn Thái Hưng

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND
ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại Cơ quan nhà nước, Văn phòng huyện ủy, thành ủy, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội, tài sản của dự án sử dụng vốn Nhà nước được quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 và Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP 06/11/2017 của Chính phủ; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Các trường hợp không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước;

- Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (gọi tắt là Văn phòng huyện ủy) trong việc quản lý, sử dụng tài sản được nhà nước giao bằng hiện vật, được đầu tư mua sắm từ ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy.

- Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh được ngân sách tỉnh đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Đơn vị sự nghiệp công lập;

- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội;

- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

(Sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Chương II

QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

1. Mua sắm phương tiện xe ô tô phục vụ công tác

Mua mới phương tiện xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính. Việc mua sắm phương tiện xe ô tô phục vụ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sau khi xin ý kiến của cấp có thẩm quyền.

2. Mua sắm tài sản công

Mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản hiện hành và các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công được phân cấp, như sau:

2.1. Cấp tỉnh

a. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm đối với tài sản có giá trị trên 500 triệu đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b. Tài sản mua sắm có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh trước khi quyết định mua sắm tài sản theo quy định.

c. Giám đốc các Sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến 500 triệu đồng (*trừ trường hợp quy định tại tiết d, điểm này*).

d. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến 100 triệu đồng.

2.2. Các huyện, thành phố (*viết tắt là cấp huyện*)

a. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã, có giá trị trên 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng.

b. Tài sản mua sắm có giá trị trên 1 tỷ đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã; UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c. Tài sản mua sắm có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, UBND cấp huyện xây dựng phương án mua sắm, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh. Căn cứ ý kiến của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản.

d. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến 100 triệu đồng.

2.3. Các xã, phường, thị trấn (viết tắt là cấp xã)

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị đến 100 triệu đồng.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản.

1. Cấp tỉnh

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thuê tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện có giá trị thuê trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm;

1.2. Giám đốc các Sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định thuê tài sản có giá trị thuê đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm (trừ trường hợp quy định tại điểm 1.3, khoản này).

1.3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành quyết định thuê tài sản có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm.

2. Cấp huyện

2.1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thuê tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc huyện quản lý, có giá trị thuê từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm.

2.2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thuê tài sản có giá trị thuê đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản công

- Phương tiện xe ô tô.

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Các tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các Sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định thu hồi tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển

- Phương tiện xe ô tô;
- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trên đất;
- Các tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;
- Tài sản điều chuyển giữa các huyện, thành phố; giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện;

2. Giám đốc các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương có đơn vị trực thuộc quyết định điều chuyển tài sản công trong nội bộ ngành có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Cấp tỉnh

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán:

- Phương tiện xe ô tô.
- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- Các tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.2. Giám đốc các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định bán tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ trường hợp quy định tại điểm 1.3 Khoản này*).

1.3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành quyết định bán tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Cấp huyện

2.1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bán tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2.2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định bán tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Cấp tỉnh

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản

- Phương tiện xe ô tô

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

1.2. Giám đốc các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định thanh lý tài sản:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định thanh lý tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Cấp huyện

2.1. Chủ tịch UBND huyện quyết định thanh lý tài sản:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2.2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định tiêu huỷ tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch UBND huyện quyết định tiêu huỷ tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- Phương tiện xe ô tô.

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch UBND huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

1. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc huyện quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc huyện quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh với cấp huyện; giữa các huyện, thành phố.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Cấp tỉnh

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

- Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước thuộc phạm vi quản lý.

- Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.2. Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh. Căn cứ ý kiến của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản theo quy định.

1.3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản

2. Cấp huyện

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc huyện quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Cấp tỉnh

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

- Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước thuộc phạm vi quản lý.

- Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.2. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh. Căn cứ ý kiến của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản theo quy định.

1.3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản

2. Cấp huyện

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc huyện quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản

Điều 16. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc các cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác.

Chương IV

THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 17. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (*đối với trường hợp quy định tại khoản 6, Điều 7, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ*).

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

1.1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

1.2. Tài sản là nhà; đất; xe ô tô; các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

1.3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

1.4. Tài sản là nhà; đất; xe ô tô; các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

1.5. Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

2.1. Tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh (*trừ các tài sản là nhà; đất; xe ô tô; các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*).

2.2. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Giám đốc Sở Tài chính quyết định giải thể theo ủy quyền (*trừ các tài sản là nhà; đất; xe ô tô; các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*).

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

3.1. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

3.2. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà; đất; xe ô tô; tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu; điều chuyển tài sản từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; hoặc giữa các huyện với nhau.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này*).

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (*trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này*).

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà; đất; xe ô tô; tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh ra quyết định kết án, tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này*).

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định kết án, tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này*).

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà; đất; xe ô tô; tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này*).

 CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng